| | |
|---|---|
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**<br>**XÃ PHÚ CƯỜNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 331/QĐ-UBND | *Phú Cường, ngày 14 tháng 12 năm 2021* |

# QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phê duyệt kết quả Tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn xã**

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚ CƯỜNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo;*

*Căn cứ Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 20/9/2021 của UBND huyện Đại Từ về triển khai thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021; rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;*

*Xét đề nghị của BCĐ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo xã,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả Tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn xã theo chuẩn nghèo đa chiều quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ, như sau:

Tổng số hộ toàn xã: 1.378 hộ, trong đó:

- Số hộ nghèo: 87 hộ, tỷ lệ 6,31%.
- Số hộ cận nghèo: 100 hộ, tỷ lệ 7,26%.

*(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)*

**Điều 2.** Số hộ nghèo, hộ cận nghèo được phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này là cơ sở để thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và các chính sách phát triển kinh tế- xã hội khác trong năm 2022.

**Điều 3**. Văn phòng HĐND-UBND; các thành viên ban chỉ đạo, các xóm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- TT Đảng ủy - HĐND;
- TT BCĐ huyện (Phòng LĐTB&XH);
- Lãnh đạo UBND xã;
- TV BCĐ rà soát hộ nghèo xã;
- Như điều 3;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Hoàng Ngọc Bích**

**UBND XÃ PHÚ CƯỜNG**

# DANH SÁCH HỘ NGHÈO
## THỰC HIỆN NĂM 2022

| STT | Họ và tên chủ hộ | Xóm | Số khẩu |
|---|---|---|---|
| 1 | ĐINH VĂN CHÍ | THANH MỴ | 3 |
| 2 | ĐÀO VĂN TẬP | THANH MỴ | 1 |
| 3 | BÙI THỊ LƯƠNG | THANH MỴ | 2 |
| 4 | ĐINH THỊ HÀ | THANH MỴ | 2 |
| 5 | NGUYỄN ĐỨC THỊNH | THANH MỴ | 2 |
| 6 | TRIỆU VĂN BẢN | THANH MỴ | 1 |
| 7 | TRẦN XUÂN ĐÁN | VĂN CƯỜNG 3 | 3 |
| 8 | VŨ THỊ NHU | VĂN CƯỜNG 3 | 1 |
| 9 | NGÔ VĂN HỮU | VĂN CƯỜNG 3 | 3 |
| 10 | VŨ THỊ BÍCH THUẬN | VĂN CƯỜNG 3 | 3 |
| 11 | TRỊNH THỊ DỤNG | VĂN CƯỜNG 3 | 1 |
| 12 | ĐẶNG VĂN NINH | VĂN CƯỜNG 3 | 6 |
| 13 | VŨ VĂN CẢNH | VĂN CƯỜNG 3 | 4 |
| 14 | TRẦN NHƯ TOẢN | BÁN LUÔNG | 4 |
| 15 | HOÀNG VĂN CHỈNH | BÁN LUÔNG | 2 |
| 16 | HOÀNG THỊ LAN | BÁN LUÔNG | 1 |
| 17 | VŨ NGỌC HOÀN | BÁN LUÔNG | 4 |
| 18 | HOÀNG VĂN BIỂN | BÁN LUÔNG | 4 |
| 19 | NGUYỄN THỊ LUYẾN | BÁN LUÔNG | 5 |
| 20 | HOÀNG THỊ KHÁNH | BÁN LUÔNG | 2 |
| 21 | HOÀNG THỊ GIAO | BÁN LUÔNG | 4 |
| 22 | HOÀNG ĐỨC HUY | BÁN LUÔNG | 4 |
| 23 | LÝ QUYẾT THẮNG | KHUÂN THÔNG | 3 |
| 24 | NGUYỄN VĂN LÂM | KHUÂN THÔNG | 2 |
| 25 | VŨ THỊ THOA | KHUÂN THÔNG | 1 |
| 26 | DƯƠNG THỊ XIM | KHUÂN THÔNG | 2 |
| 27 | HỨA THANH LÂM | KHUÂN THÔNG | 6 |
| 28 | ĐOÀN THỊ BỐN | KHUÂN THÔNG | 1 |

| STT | Họ và tên chủ hộ | Xóm | Số khẩu |
|---|---|---|---|
| 29 | TRẦN THỊ HƯƠNG | NA MẤN | 3 |
| 30 | MA THỊ MAO | NA MẤN | 5 |
| 31 | TRẦN THỊ SINH | NA MẤN | 3 |
| 32 | ĐÀM VĂN HOAN | NA MẤN | 1 |
| 33 | NÔNG VĂN HƯỞNG | NA MẤN | 4 |
| 34 | LƯU THỊ THOAN | NA MẤN | 1 |
| 35 | NÔNG THỊ HƯỜNG | NA MẤN | 2 |
| 36 | HOÀNG VĂN ĐỨC | NA QUÝT | 7 |
| 37 | LƯU THỊ THANH | NA QUÝT | 4 |
| 38 | HẠC THỊ CHUYÊN | NA QUÝT | 2 |
| 39 | HOÀNG THỊ LÝ | NA QUÝT | 2 |
| 40 | TRƯƠNG ĐĂNG NGHĨA | NA QUÝT | 2 |
| 41 | HOÀNG THỊ NỤ | NA QUÝT | 4 |
| 42 | HẠC THỊ SINH | NA QUÝT | 1 |
| 43 | ĐÀO NGỌC LIÊN | VĂN CƯỜNG 1 | 2 |
| 44 | ĐOÀN THỊ TƯƠI | VĂN CƯỜNG 1 | 1 |
| 45 | BÙI VĂN BÌNH | VĂN CƯỜNG 1 | 1 |
| 46 | PHẠM VĂN LƠ | VĂN CƯỜNG 1 | 3 |
| 47 | TRẦN THỊ THI | VĂN CƯỜNG 1 | 3 |
| 48 | NGUYỄN THỊ CHẮT | VĂN CƯỜNG 1 | 1 |
| 49 | TRIỆU QUỐC ĐẠT | CHIỀNG | 4 |
| 50 | BÀN VĂN KIM | CHIỀNG | 1 |
| 51 | CAO THỊ NGỌC LAN | CHIỀNG | 2 |
| 52 | TRIỆU THỊ QUYÊN | CHIỀNG | 4 |
| 53 | VĂN THỊ DUNG | CHIỀNG | 3 |
| 54 | LÊ THỊ HÀ | CHIỀNG | 3 |
| 55 | VƯƠNG VĂN TIÊN | CHIỀNG | 1 |
| 56 | BÙI THỊ HỒNG | VĂN CƯỜNG 2 | 2 |
| 57 | NGUYỄN THỊ VUI | VĂN CƯỜNG 2 | 4 |
| 58 | ĐẶNG THỊ NGOAN | VĂN CƯỜNG 2 | 6 |
| 59 | NGUYỄN THỊ THỦY | VĂN CƯỜNG 2 | 2 |

| STT | Họ và tên chủ hộ | Xóm | Số khẩu |
|---|---|---|---|
| 60 | HOÀNG THỊ SAI | VĂN CƯỜNG 2 | 1 |
| 61 | HOÀNG VĂN LÂM | VĂN CƯỜNG 2 | 3 |
| 62 | TRẦN VĂN KHIÊM | VĂN CƯỜNG 2 | 6 |
| 63 | LÊ THỊ CHIẾN | VĂN CƯỜNG 2 | 5 |
| 64 | NGUYỄN QUANG THIỆU | VĂN CƯỜNG 2 | 3 |
| 65 | NGUYỄN MẠNH HÙNG | VĂN CƯỜNG 2 | 4 |
| 66 | NGUYỄN THỊ XUÂN | VĂN CƯỜNG 2 | 4 |
| 67 | NGUYỄN THỊ TÂN | VĂN CƯỜNG 2 | 2 |
| 68 | NGUYỄN THỊ HOA | VĂN CƯỜNG 2 | 3 |
| 69 | NGUYỄN HỮU TiẾN | VĂN CƯỜNG 2 | 6 |
| 70 | TRẦN HỮU NGUYÊN | VĂN CƯỜNG 2 | 5 |
| 71 | HOÀNG THỊ BÌA | ĐÈO | 2 |
| 72 | NGỌC VĂN ĐẠO | ĐÈO | 1 |
| 73 | NGUYỄN THỊ NHỊ | ĐÈO | 1 |
| 74 | HOÀNG VĂN VẤN | ĐÈO | 4 |
| 75 | PHẠM THỊ THÌN | ĐÈO | 1 |
| 76 | TRƯƠNG VĂN BẢY | ĐÈO | 2 |
| 77 | ĐÀO THỊ MIỀU | ĐÈO | 2 |
| 78 | HOÀNG ANH TUẤN | ĐÈO | 3 |
| 79 | LƯU QUANG ĐỨC | ĐÈO | 4 |
| 80 | TRƯƠNG VĂN MAI | ĐÈO | 1 |
| 81 | LƯƠNG BÁCH SEN | ĐÈO | 2 |
| 82 | LƯƠNG THỊ XUYẾN | ĐÈO | 4 |
| 83 | DƯƠNG VĂN TỪ | ĐÈO | 5 |
| 84 | LƯƠNG THỊ XUYẾN | ĐÈO | 1 |
| 85 | HOÀNG XUÂN PHƯỢNG | ĐÈO | 2 |
| 86 | LƯU THỊ THƯ | ĐÈO | 2 |
| 87 | TRƯƠNG THỊ VIỆN | ĐÈO | 5 |
| **Tổng cộng: 87 hộ nghèo** | | | **245** |

| STT | Họ và tên chủ hộ | Xóm | Số khẩu |
|---|---|---|---|

**UBND XÃ PHÚ CƯỜNG**

# DANH SÁCH CẬN NGHÈO
# THỰC HIỆN NĂM 2022

| STT | Họ và tên chủ hộ | Xóm | Số khẩu |
|---|---|---|---|
| 1 | TRỊNH THỊ HỒNG | THANH MỴ | 2 |
| 2 | ĐÀO VĂN VỊNH | THANH MỴ | 3 |
| 3 | ĐINH QUANG TRUNG | THANH MỴ | 3 |
| 4 | TRIỆU THỊ QUẾ | THANH MỴ | 2 |
| 5 | TRIỆU VĂN QUÂN | THANH MỴ | 4 |
| 6 | TRIỆU THỊ XUÂN | THANH MỴ | 2 |
| 7 | TRIỆU VĂN DƯƠNG | THANH MỴ | 2 |
| 8 | TRỊNH THỊ GÁI | VĂN CƯỜNG 3 | 1 |
| 9 | NGUYỄN VĂN ĐOÁI | VĂN CƯỜNG 3 | 4 |
| 10 | NGUYỄN THỊ MƯỢI | VĂN CƯỜNG 3 | 6 |
| 11 | NGUYỄN CHÍ XUÂN | VĂN CƯỜNG 3 | 6 |
| 12 | TRẦN VĂN HIẾN | VĂN CƯỜNG 3 | 5 |
| 13 | ĐẶNG VĂN TUẤN | VĂN CƯỜNG 3 | 3 |
| 14 | VŨ VĂN TIẾN | VĂN CƯỜNG 3 | 6 |
| 15 | NGUYỄN VĂN LẠC | VĂN CƯỜNG 3 | 4 |
| 16 | TRẦN VĂN HỢP | VĂN CƯỜNG 3 | 4 |
| 17 | TRẦN VĂN VĂN | VĂN CƯỜNG 3 | 4 |
| 18 | PHẠM THỊ HUYỀN | BÁN LUÔNG | 3 |
| 19 | HOÀNG THỊ HÒA | BÁN LUÔNG | 4 |
| 20 | TRIỆU THỊ YẾN | BÁN LUÔNG | 5 |
| 21 | LÝ VĂN KHOA | BÁN LUÔNG | 5 |
| 22 | NGUYỄN VĂN ƯỚC | BÁN LUÔNG | 6 |
| 23 | HOÀNG VĂN ĐÔNG | BÁN LUÔNG | 7 |
| 24 | HOÀNG ĐỨC HOAN | BÁN LUÔNG | 4 |
| 25 | TRIỆU THỊ ƯỚC | BÁN LUÔNG | 1 |
| 26 | TRẦN THỊ MAI | BÁN LUÔNG | 4 |
| 27 | NGUYỄN THỊ THỨC | BÁN LUÔNG | 3 |

| STT | Họ và tên chủ hộ | Xóm | Số khẩu |
|---|---|---|---|
| 28 | TRIỆU THỊ HUỆ | BÁN LUÔNG | 6 |
| 29 | TRẦN THỊ THÚY NGA | KHUÂN THÔNG | 1 |
| 30 | HOÀNG VĂN SƠN | KHUÂN THÔNG | 4 |
| 31 | ĐINH THỊ MAI | KHUÂN THÔNG | 3 |
| 32 | ĐỖ VĂN THÁI | KHUÂN THÔNG | 5 |
| 33 | NGUYỄN THỊ RỊU | KHUÂN THÔNG | 3 |
| 34 | ĐỖ THỊ PHƯỢNG | KHUÂN THÔNG | 3 |
| 35 | NGUYỄN VĂN DŨNG | KHUÂN THÔNG | 4 |
| 36 | NGUYỄN THỊ THÌN | KHUÂN THÔNG | 2 |
| 37 | VŨ TUẤN THÀNH | KHUÂN THÔNG | 4 |
| 38 | VŨ THỊ LÁ | KHUÂN THÔNG | 4 |
| 39 | TRƯƠNG THỊ VÂN | KHUÂN THÔNG | 3 |
| 40 | NGUYỄN VĂN KHÁNH | KHUÂN THÔNG | 3 |
| 41 | HỨA NHƯ HIỂN | KHUÂN THÔNG | 4 |
| 42 | NGUYỄN DUY BÌNH | KHUÂN THÔNG | 3 |
| 43 | NGUYỄN VĂN HIỀN | NA MẤN | 4 |
| 44 | CAO NGỌC HOÀN | NA MẤN | 2 |
| 45 | ĐỖ THỊ PHÚ | NA MẤN | 1 |
| 46 | NGUYỄN THỊ BÌNH | NA MẤN | 3 |
| 47 | HỨA VĂN TRƯỜNG | NA MẤN | 4 |
| 48 | LƯU VĂN THÀNH | NA MẤN | 3 |
| 49 | NÔNG VĂN THỊNH | NA MẤN | 4 |
| 50 | TRẦN THANH HÀ | NA MẤN | 4 |
| 51 | HẦU THỊ NGỮ | NA QUÝT | 4 |
| 52 | HOÀNG VĂN KHẨN | NA QUÝT | 3 |
| 53 | CHÂM THỊ THI | NA QUÝT | 2 |
| 54 | HOÀNG VĂN BIÊN | NA QUÝT | 4 |
| 55 | TRẦN THỊ THU | NA QUÝT | 2 |
| 56 | HẠC VĂN THÊM | NA QUÝT | 2 |
| 57 | TRẦN THỊ HẰNG | NA QUÝT | 2 |

| STT | Họ và tên chủ hộ | Xóm | Số khẩu |
|---|---|---|---|
| 58 | HOÀNG VĂN CƯƠNG | NA QUÝT | 1 |
| 59 | NGỌC MẠNH HÀ | NA QUÝT | 4 |
| 60 | VŨ THỊ LIÊN | VĂN CƯỜNG 1 | 1 |
| 61 | BÙI THỊ THẢO | VĂN CƯỜNG 1 | 5 |
| 62 | PHẠM VĂN CƯỜNG | VĂN CƯỜNG 1 | 5 |
| 63 | TRẦN VĂN THÁM | VĂN CƯỜNG 1 | 4 |
| 64 | ĐOÀN THỊ NHIỆM | VĂN CƯỜNG 1 | 1 |
| 65 | NGUYỄN QUANG TRIỀU | VĂN CƯỜNG 1 | 3 |
| 66 | NGUYỄN XUÂN THU | VĂN CƯỜNG 1 | 5 |
| 67 | NGUYỄN QUANG TOẢN | VĂN CƯỜNG 1 | 3 |
| 68 | NGUYỄN HỮU TUẤN | VĂN CƯỜNG 1 | 4 |
| 69 | TRIỆU XUÂN KHIÊM | VĂN CƯỜNG 1 | 4 |
| 70 | BÙI THỊ KHIỂN | VĂN CƯỜNG 1 | 2 |
| 71 | HOÀNG THỊ THỰC | CHIỀNG | 2 |
| 72 | VƯƠNG VĂN ĐÀO | CHIỀNG | 3 |
| 73 | NGUYỄN THỊ VIỆT | CHIỀNG | 4 |
| 74 | NỊNH THỊ CẢNH | CHIỀNG | 3 |
| 75 | HOÀNG VĂN MẠNH | CHIỀNG | 4 |
| 76 | PHẠM MINH CƠ | CHIỀNG | 4 |
| 77 | NÔNG KÝ THAY | CHIỀNG | 5 |
| 78 | TRẦN THỊ LỤA | VĂN CƯỜNG 2 | 1 |
| 79 | PHẠM ĐÌNH THỚI | VĂN CƯỜNG 2 | 2 |
| 80 | NGUYỄN HỮU TÙNG | VĂN CƯỜNG 2 | 4 |
| 81 | BÙI VĂN XUÂN | VĂN CƯỜNG 2 | 4 |
| 82 | PHẠM VĂN HẢI | VĂN CƯỜNG 2 | 4 |
| 83 | NGUYỄN HỮU THÙY | VĂN CƯỜNG 2 | 4 |
| 84 | VŨ VĂN HỢP | VĂN CƯỜNG 2 | 4 |
| 85 | NGUYỄN HỮU CHƯ | VĂN CƯỜNG 2 | 5 |
| 86 | ĐẶNG XUÂN BẰNG | VĂN CƯỜNG 2 | 4 |
| 87 | ĐÀO NGỌC NAM | VĂN CƯỜNG 2 | 4 |

| STT | Họ và tên chủ hộ | Xóm | Số khẩu |
|---|---|---|---|
| 88 | NGUYỄN THỊ DUNG | VĂN CƯỜNG 2 | 5 |
| 89 | NGUYỄN KHẮC TÙNG | VĂN CƯỜNG 2 | 4 |
| 90 | NGUYỄN HỮU CHÍNH | VĂN CƯỜNG 2 | 5 |
| 91 | NGỌC THỊ MINH | ĐÈO | 2 |
| 92 | TRƯƠNG VĂN SƠN | ĐÈO | 3 |
| 93 | ĐÀO NGỌC BIÊN | ĐÈO | 7 |
| 94 | ĐẶNG THỊ HỒNG HẠNH | ĐÈO | 2 |
| 95 | ĐÀO THỊ CẦU | ĐÈO | 5 |
| 96 | NGUYỄN ĐỨC LINH | ĐÈO | 4 |
| 97 | TRƯƠNG MINH SƠN | ĐÈO | 5 |
| 98 | NGUYỄN VĂN THÙY | ĐÈO | 4 |
| 99 | HOÀNG VĂN TRÌNH | ĐÈO | 4 |
| 100 | HOÀNG THANH ĐÔNG | ĐÈO | 6 |
| **Tổng cộng: 100 hộ cận nghèo** | | | **358** |